

Số: 43/NQ-HĐND

Nam Phúc Thắng, ngày 18 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NAM PHÚC THẮNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ luật ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua 25/06/2015 và các văn bản hiện hành của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 450/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Xét tờ trình số: 642/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Nam Phúc Thắng về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 117/BC-KTXH ngày 15/12/2023 của ban kinh tế xã hội HĐND xã và ý kiến thảo luận của quý vị đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024: 26.822.040.000 đồng

Trong đó: Ngân sách xã hưởng: 18.058.940.000 đồng

- Thu hưởng 100%: 470.800.000 đồng

- Thu hưởng tỷ lệ % 6.558.900.000 đồng

- Thu trợ cấp GDNS 11.029.240.000 đồng

2. Dự toán chi ngân sách năm 2023: 18.058.940.000 đồng

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 11.403.316.000 đồng

- Chi đầu tư phát triển : 6.419.550.000 đồng

- Dự phòng chi: 236.074.000 đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- HĐND xã giao UBND xã triển khai thực hiện nghị quyết. Trong quá trình thực hiện có những nội dung phát sinh phải thống nhất với thường trực HĐND và báo cáo với HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

- Thường trực HĐND, các ban HĐND, quý vị đại biểu HĐND trên cơ sở chức năng nhiệm vụ theo quy định của luật thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân xã Nam Phúc Thăng khóa II kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18/12/2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Phòng TCKH; KBNN huyện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- UBND, UBMTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành cấp xã;
- Các thôn;
- Lưu: VP.



Nguyễn Văn Báu



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND xã

TT	Danh mục	Huyện giao	Dự toán xã giao	Xã hưởng
	Tổng thu	25.611.240.000	26.872.040.000	18.108.940.000
A	Tổng thu NS	25.611.240.000	26.822.040.000	18.058.940.000
I	Thu hưởng 100%	294.000.000	470.800.000	470.800.000
1	Thu phí và lệ phí	64.000.000	74.000.000	74.000.000
1.1	Lệ phí chứng thực		50.000.000	50.000.000
1.1	Phí môn bài		24.000.000	24.000.000
2	Thu khác tại xã	230.000.000	396.800.000	396.800.000
2.1	Thu các ốt chợ Trường		25.200.000	25.200.000
2.2	Phí chợ Gõn 50tr và chợ Trường 45tr, chợ Con Gọ 45tr		140.000.000	140.000.000
2.3	Thu các hợp đồng thuê đất		200.000.000	200.000.000
2.4	Thu phạt		10.000.000	10.000.000
2.5	Thu trạm tiếp sóng		21.600.000	21.600.000
II	Thu trợ cấp ngân sách cấp trên	11.029.240.000	11.029.240.000	11.029.240.000
1	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	11.029.240.000	11.029.240.000	11.029.240.000
III	Thu các khoản xã hưởng tỷ lệ %	14.288.000.000	15.322.000.000	6.558.900.000
1	Thuế VAT+TNDN	2.023.000.000	2.023.000.000	526.600.000
2	Thuế thu nhập cá nhân	83.000.000	83.000.000	0
3	Trước bạ	165.000.000	165.000.000	132.000.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	50.000.000	50.000.000
5	Thu tiền thuê mặt nước	1.000.000	1.000.000	300.000
6	Thu cấp quyền sử dụng đất	12.000.000.000	13.000.000.000	5.850.000.000
B	Thu các quỹ		50.000.000	50.000.000
1	Quỹ PCTT		50.000.000	50.000.000



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NAM PHÚC THĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số: 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND xã

T	Danh mục	Số tiền
	Tổng chi	18.108.940.000
A	Tổng chi NS	18.058.940.000
I	Chi đầu tư phát triển	6.419.550.000
1	Chi đầu tư công	4.206.218.000
	Chi trả nợ ứng xi măng làm đường, kênh, rãnh BT 2023	310.000.000
	Chi quy hoạch đất ở dân cư	100.000.000
	Chi trả nợ cầm mốc quy hoạch đất dân cư năm 2022, 2023	200.000.000
	Chi trả nợ xây dựng sân và cải tạo nhà học trường mầm non Nam Phúc Thăng 2	20.000.000
	Chi trả nợ cải tạo nhà học 2 tầng trường mầm non Nam Phúc Thăng 1 (Phân hiệu Cẩm Nam)	100.000.000
	Chi trả nợ xây dựng đường giao thông TX 64 xã Nam Phúc Thăng	646.668.000
	Chi trả nợ cải tạo nhà làm việc công an xã	50.000.000
	Chi trả nợ xây dựng nhà vệ sinh trường THCS Nam Phúc Thăng	100.000.000
	Chi sửa chữa dây nhà cấp 4 trụ sở UBND xã	200.000.000
	Trả nợ Cải tạo sân, rãnh thoát nước trường mầm non Nam Phúc Thăng 1	200.000.000
	Trả nợ Xây dựng công, hàng rào, lát vỉa hè trường TH Nam Phúc Thăng 1	700.000.000
	Hỗ trợ xây dựng đường nội đồng Đông Đoài đi Nam Yên	300.000.000
	Xây dựng nhà vệ sinh trụ sở UBND xã	300.000.000
	KP giải phóng mặt bằng vùng QH ngõ Quỳnh	200.000.000
	Bù nguồn CCTL năm 2022	200.000.000
	Nguồn đất trồng lúa chưa phân bổ	269.550.000
	Hỗ trợ chính sách xây dựng đường, kênh mương, rãnh thoát nước 2023 (chưa phân bổ cụ thể)	310.000.000

2	Chi đầu tư phát triển	2.213.332.000
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh trường mầm non Nam Phúc Thăng 2	20.000.000
	Chi chuyển đổi từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn	200.000.000
	Chi sửa chữa mái nhà trường tiểu học Nam Phúc Thăng 1 (Cẩm Nam)	24.175.000
	Chi sửa chữa cửa tại trường mầm non Nam Phúc Thăng 1	24.000.000
	Chi làm mái che tại trường mầm non Nam Phúc Thăng 1	31.000.000
	Chi lát phòng học trường mầm non Nam Phúc Thăng 1	72.000.000
	Chi lát nền nhà bếp, mái che trường mầm non Nam Phúc Thăng 1	25.500.000
	Chi sửa chữa nhà học học 2 tầng trường tiểu học Nam Phúc Thăng 1 (Cẩm Thăng)	40.000.000
	Chi sửa chữa nâng cấp chợ trường xã Nam Phúc Thăng	66.657.000
	Hỗ trợ các thôn đạt chuẩn NTM: Tây Nguyên, Trung Đông, Trường Yên, Phong Hầu, Yên Thành, Phúc Trung, Tân Trường	700.000.000
	Chi hỗ trợ thôn Phúc Thịnh cải tạo giếng miếu	5.000.000
	Chi làm gờ giảm tốc tại đường trục xã	70.000.000
	Chi sửa chữa cống tại thôn Tiến Hưng (Cẩm Nam cũ)	15.000.000
	Chi cắm mốc quy hoạch đất dân cư tại Cẩm Nam cũ	20.000.000
	Chi thuê máy phá bỏ nhà thư viện trường tiểu học Nam phúc Thăng 1	10.000.000
	Chi mua máy vi tính 4 cái (VP đăng, KN, CS, MTTQ, TP), 1 máy in HPN	70.000.000
	Chi sửa chữa tài sản	30.000.000
	Hỗ trợ thôn Phúc Trung xây dựng rãnh thoát nước	10.000.000
	Hỗ trợ nâng cấp các đèn thờ tại thôn Yên Thành	20.000.000
	Xây dựng nhà xe trường Tiểu học 1 (Cẩm Nam)	20.000.000
	Hỗ trợ các chính sách năm 2023 (chưa phân bổ cụ thể)	740.000.000
II	Chi thường xuyên	11.403.316.000
1	Chi ngành an ninh	247.800.000
	Chi phụ cấp công an viên	183.600.000

	Ngày hội toàn dân tham gia BVANTQ (thôn điểm 5tr, thôn còn lại 0,3tr)	9.800.000
	Chi tiền điện và in tờ nét	12.000.000
	Chi hoạt động ngành	42.400.000
2	Chi ngành quân sự	964.919.800
	Chi trả lương, phụ cấp	81.330.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	21.124.800
	Chi nộp kinh phí công đoàn	1.408.000
	Chi hoạt động ngành, giao quân	30.000.000
	Giáo dục quốc phòng	8.000.000
	Huấn luyện quân sự	50.000.000
	Phụ cấp dân phòng	212.160.000
	Chi phụ cấp thôn đội trưởng	183.600.000
	Chi phụ cấp theo pháp lệnh dân quân tự vệ	377.297.000
3	Chi SN giáo dục	29.500.000
	Kỷ niệm ngày 20/11	16.000.000
	Hội nghị giáo dục đầu năm học	13.500.000
4	Chi sự nghiệp y tế	126.160.000
	Kỷ niệm ngày 27/2	7.000.000
	Chi hoạt động ĐSKHHGD	9.000.000
	Chi phụ cấp y tế thôn bản	110.160.000
5	Chi SN VH-TT-TDĐT	114.400.000
	Hoạt động ngành văn hóa	23.400.000
	Chi hỗ trợ đèn thờ 5 đèn 5tr và đèn Trần Muông và Hoàng Văn Minh, đèn Cồn Trú, Hoàng Văn 7tr/đèn	33.000.000
	Chi sửa chữa và hoạt động truyền thanh	18.000.000
	Thẻ dực thể thao	40.000.000
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.710.747.000
	Hoạt động thường xuyên ngành nông nghiệp	18.000.000
	Sự nghiệp thú y	40.000.000
	Đắp đường quy hoạch cấp đất dân cư	50.000.000
	Chi hỗ trợ 50% mua thuốc diệt chuột	53.000.000
	Hoạt động xây dựng, giao thông, thủy lợi	18.000.000
	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	45.000.000
	Chi mua giống lúa	569.550.000
	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí HTX Cẩm Thăng	29.232.000

	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí HTX Nam Phúc Thăng 2	457.255.000
	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí HTX Nam Phúc Thăng 1	410.710.000
	Chi xử lý tồn đọng đất nông nghiệp	20.000.000
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	874.607.000
	Trợ cấp và bảo hiểm cán bộ hưu. QĐ 111-130	659.187.000
	Trợ cấp khó khăn, hỗ trợ	10.000.000
	Hoạt động chính sách 12,6triệu	12.600.000
	Kỷ niệm 27/7: 50tr, thấp nền tri ân 9tr	59.000.000
	Chi công tác chính sách (đài liệt sỹ 9tr, nhà hành lễ 0,5tr)	9.500.000
	Công tác trẻ em	4.000.000
	Chi phô tô tài liệu nhập phần mềm CCLĐ	5.000.000
	Mừng thọ đầu xuân (ma kết 300đ/thôn +khung giấy chứng nhận, quà)	105.240.000
	Chi phụ cấp đối tượng TNXP	10.080.000
8	Chi QLHC - Đảng- Đoàn thể	7.219.182.200
8.1	Chi HĐND	517.320.400
	Chi trả lương, phụ cấp	88.066.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	22.874.400
	Chi nộp kinh phí công đoàn	1.524.000
	Phụ cấp ĐB HĐND (25 đại biểu)	162.000.000
	Phụ cấp CT HĐND, Trưởng, phó ban HĐND	19.440.000
	Hỗ trợ ĐB HĐND đóng BHYT (3 người)	2.916.000
	Hoạt động các ban HĐND	9.000.000
	Hoạt động HĐND và kinh phí ĐBHĐND theo NQ 82 HĐND tính 45 triệu	211.500.000
8.2	Chi quản lý nhà nước	3.096.100.220
	Chi trả lương, phụ cấp CBCC	1.175.726.900
	Chi nộp BHXH-BHYT CBCC	305.272.800
	Chi nộp kinh phí công đoàn	20.351.520
	Chi trả phụ cấp và BHXH CB không chuyên trách	453.600.000
	Chi trả phụ cấp thôn trưởng	673.920.000
	Chi trả phụ cấp cán bộ phụ trách công nghệ thông tin	2.160.000
	Chi trả phụ cấp người làm công tác thú y	6.000.000

	Phụ cấp giúp đỡ cộng đồng	2.160.000
	Hoạt động UBND xã	107.489.000
	Hoạt động tài chính	27.000.000
	Hoạt động văn phòng thống kê+ VPP và pô tô tài liệu, điều tra dân số 5tr	27.500.000
	Hoạt động TNMT	12.600.000
	Chi công tác cấp đất và đấu giá đất	10.000.000
	Hoạt động tư pháp (trong đó chi mua giấy khai sinh 4 triệu đồng)	13.370.000
	Chi công tác hòa giải cơ sở	5.950.000
	Hoạt động XDGN(NH:5tr, Đtra:5tr)	10.000.000
	Chi hoạt động thanh tra nhân dân 3tr, giám sát cộng đồng 10tr	13.500.000
	Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê	9.000.000
	Kinh phí XD xã NTM nâng cao	100.000.000
	Hoạt động ngành thuế	10.000.000
	Chi pô tô tài liệu, văn phòng phẩm, hỗ trợ cán bộ kê khai thuế PNN	10.000.000
	Nộp tiền điện, mua dầu máy nổ	60.000.000
	Chi tiền báo	30.000.000
	Chi trả cước Internet	6.000.000
	Chi cải cách hành chính	4.500.000
8.3	Chi ngành Đảng	1.823.693.280
	Chi trả lương, phụ cấp	229.272.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	59.551.200
	Chi nộp kinh phí công đoàn	3.970.080
	Chi trả phụ cấp bí thư chi bộ kiêm trưởng ban mặt trận	1.010.880.000
	Phụ cấp Đảng ủy viên	103.680.000
	PC UB ban kiểm tra Đảng ủy	21.600.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác đảng ở chi bộ thôn	149.040.000
	Hoạt động thường xuyên Đảng	245.700.000
8.4	Chi ngành mặt trận	462.164.400
	Chi trả lương, phụ cấp	88.066.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	22.874.400
	Chi nộp kinh phí công đoàn	1.524.000

	Chi khu dân cư các thôn	85.000.000
	Chi hoạt động công tác tôn giáo	70.000.000
	Chi phụ cấp người làm công tác tôn giáo	32.400.000
	KP cuộc vận động xây dựng NTM	20.000.000
	Đại hội MTTQ	100.000.000
	Chi hoạt động, tổng kết khu dân cư 9,8 triệu; thực hiện các cuộc vận động 9 triệu đồng	42.300.000
8.5	Chi Đoàn thanh niên	256.870.700
	Chi trả lương, phụ cấp	62.120.500
	Chi nộp BHXH-BHYT	16.135.200
	Chi nộp kinh phí công đoàn	1.075.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác chi đoàn	149.040.000
	Chi hoạt động ngành, hoạt động đội 3,6tr, BTV 2,4tr	28.500.000
8.6	Chi hội phụ nữ	348.962.400
	Chi trả lương, phụ cấp	138.710.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	32.918.400
	Chi nộp kinh phí công đoàn	2.194.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác hội phụ nữ	149.040.000
	Chi hoạt động hội	22.500.000
	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	3.600.000
8.7	Chi hội nông dân	269.623.000
	Chi trả lương, phụ cấp	78.586.200
	Chi nộp BHXH-BHYT	20.412.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác hội nông dân	149.040.000
	Chi nộp kinh phí công đoàn	1.360.800
	Chi hoạt động hội ND và KP BTV 2,4tr	20.224.000
8.8	Chi hội CCB	233.707.800
	Chi trả lương, phụ cấp	50.145.000
	Chi nộp BHXH-BHYT	13.024.800
	Chi nộp kinh phí công đoàn	868.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác hội cựu chiến binh	149.040.000
	Chi hoạt động ngành và hoạt động đội xung kích 4,5tr, BTV 2,4tr	20.630.000
8.9	Chi các tổ chức khác	210.740.000
	HĐ hội NCT và hoạt động tâm năng dưỡng sinh	12.000.000

	HĐ hội chữ thập đỏ -BTXH, hiến máu, nộp phí	11.700.000
	Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, KP tuyên truyền pháp luật	4.500.000
	Hoạt động TNXP	4.500.000
	Chi trả trực tiếp người tham gia hoạt động về công tác xã hội và các nhiệm vụ khác	149.040.000
	Hoạt động trung tâm học tập cộng đồng	2.000.000
	Đại hội Hội Khuyến học	15.000.000
	Hoạt động khuyến học 3tr, cấp quà năm 2024: 9tr	12.000.000
9	Chi các khoản khác	16.000.000
	Chi hoạt động công đoàn	9.000.000
	Lễ tết thanh minh	7.000.000
10	Bố trí nguồn cải cách tiền lương 2024	100.000.000
III	DỰ PHÒNG CHI	236.074.000
B	Chi các quỹ	50.000.000
	Chi phòng chống thiên tai	15.000.000
	Chi nộp cấp trên	35.000.000